

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2026

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Duy Toàn

2. Bà Trần Thị Thanh Miên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Trúc V**, sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Phú Khánh, xã Tây Hoà, tỉnh Đắk Lắk

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tiến L** sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Đăng ký nhân khẩu thường trú: **Thôn P, xã P, tỉnh Đồng Nai**

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại 2 K4 – **Trại giam A**, địa chỉ: **Áp E, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Trần Thị Trúc V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Nguyễn Tiến L** tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước** (cũ) ngày 05/6/2023, Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2013, quyển số 01.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông **L** thường xuyên ghen tuông vô cớ, nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên đe dọa, đánh đập bà. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ, giải thích nhưng ông **L** thay đổi. Do

thường xuyên bị ông L đe dọa xâm hại nên bà buộc phải rời khỏi nhà để tránh mặt ông L, nhằm đảm bảo an toàn cho bản thân. Ngày 11/9/2023, do ghen tuông, ông L đã giết chết con gái ruột là cháu Nguyễn Trần Khánh N và bị Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt mức án tù chung thân về tội “Giết người”.

Do ông L đang chấp hành án phạt tù chung thân nên việc đoàn tụ, hàn gắn quan hệ vợ chồng là không thể thực hiện được và bà không còn tình cảm với ông L nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

- *Về con chung*: Vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Khánh N – sinh ngày 28/11/2013 (đã chết) và cháu Nguyễn Trần Thanh N1 – sinh ngày 09/12/2020. Bà đề nghị Toà án giao cháu Thanh N1 cho bà nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con vì ông L hiện đang chấp hành án tù chung thân, không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đề nghị Toà án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Tiến L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà V tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 05/6/2013.

Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau nên bà V yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà V có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Thanh N1 – sinh 09/12/2020. Từ khi ông đi chấp hành án đến nay, cháu N1 ở với bà V. Ông đồng ý giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng vì ông phải chấp hành án nên không đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Trúc V được ly hôn với ông Nguyễn Tiến Lưu.

Về con chung: Giao bà V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trần Thanh N1 - sinh ngày 09/12/2020 cho đến khi cháu N1 trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và đề nghị của vị Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Trúc V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Tiến Lưu. Ông L đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn P, xã P, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà **V** và bị đơn ông **L** đều có đơn xin xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ các điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

II. Nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà **V** và ông **L** tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai) ngày 05/6/2013 (số 82/2013, quyển số 01). Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà **V** có nguyện vọng muốn ly hôn với ông **L** vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy: Chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng, ông **L** đã nhẫn tâm giết chết con gái ruột của mình là cháu **Nguyễn Trần Khánh N** – sinh ngày 28/11/2013 nên ông **L** đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt mức án tù chung thân tại Bản án số 14/2024/HS-ST ngày 25/01/2024. Với hành vi nhẫn tâm của ông **L** cùng với việc ông **L** phải chấp hành bản án chung thân đã khiến cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể thực hiện được trong thực tế. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà **V** với ông **L** là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà **V** và ông **L** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Trần Khánh N** – sinh ngày 28/11/2013 (đã chết) và cháu **Nguyễn Trần Thanh N1** – sinh ngày 09/12/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông **L** đang phải chấp hành án tù chung thân nên không thể có điều kiện trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, nguyện vọng của bà **V** muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Thanh N1** là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà **V** phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 53, 56, 58, 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Trúc V**.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà **Trần Thị Trúc V** được ly hôn với ông **Nguyễn Tiến Lưu**. Quan hệ hôn nhân bà **V** và ông **Lưu C** kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung là cháu **Nguyễn Trần Thanh N1** – sinh ngày 09/12/2020 cho bà **V** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu **N1** trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông **Lưu K** phải cấp dưỡng nuôi con.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà **V** phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000911 ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân tỉnh Đồng Nai. Bà **V** đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND KV 11 – ĐN;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THADS KV 11- ĐN;
- UBND xã Phú Riềng, tỉnh ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. (10)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hải